



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Lầu 6 tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ, phường 15
quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 08.3840 6618; Fax: 08.3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2016 ĐẾN NGÀY 30/06/2016**

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 27

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Bà Nguyễn Thị Minh Nguyệt	Chủ tịch
Ông Phan Minh Sáng	Thành viên
Ông Phạm Công Sinh	Thành viên
Bà Bùi Thanh Hương	Thành viên
Ông Bùi Xuân Trung	Thành viên

Tổng Giám đốc

Ông Phan Minh Sáng	Tổng Giám đốc
--------------------	---------------

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Phan Minh Sáng
Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Số: 076 /VACO/BCSX.HCM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, được lập ngày 11 tháng 08 năm 2016, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối Kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30/06/2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Bùi Ngọc Bình
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0657-2015-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CHI NHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tp. HCM, ngày 11 tháng 08 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Thuyết minh	
			30/06/2016	01/01/2016
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		143.502.615.198	427.019.832.393
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2.121.141.654	215.157.624.372
1. Tiền	111	5	2.121.141.654	215.157.624.372
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	26.100.000.000	108.967.046.945
1. Chứng khoán kinh doanh	121		26.100.000.000	108.967.046.945
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97.309.379.084	82.859.491.891
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	81.241.126.519	44.158.461.307
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	18.515.472.279	7.321.011.299
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	33.882.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		4.581.665.245	4.526.904.244
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7.028.884.959)	(7.028.884.959)
IV. Hàng tồn kho	140	10	7.453.926.774	4.817.851.827
1. Hàng tồn kho	141		7.453.926.774	4.817.851.827
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		10.518.167.686	15.217.817.358
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		84.859.899	97.479.220
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	15	9.103.891.806	15.120.338.138
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.329.415.981	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.523.738.865.028	1.264.790.707.896
I. Tài sản cố định	220		34.394.903.463	35.352.048.975
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	12.755.362.064	13.712.507.576
- Nguyên giá	222		40.195.269.191	40.195.269.191
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(27.439.907.127)	(26.482.761.615)
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	21.639.541.399	21.639.541.399
- Nguyên giá	228		21.775.905.034	21.775.905.034
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(136.363.635)	(136.363.635)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240	13	9.490.344.520	9.490.344.520
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		9.490.344.520	9.490.344.520
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.479.567.024.376	1.219.403.024.376
1. Đầu tư vào công ty con	251	6	1.470.627.024.376	1.219.403.024.376
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	6	8.940.000.000	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		286.592.669	545.290.025
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		286.592.669	545.290.025
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.667.241.480.226	1.691.810.540.289

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		61.756.226.179	108.448.738.696
I. Nợ ngắn hạn	310		59.930.426.179	106.318.638.696
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	43.730.115.645	11.870.103.351
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.475.583.906	797.273.197
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	31.251.011	6.292.394.425
4. Phải trả người lao động	314		1.535.698.955	1.578.603.978
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		32.727.274	34.260.039
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		2.956.335.134	254.213.452
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	7.896.600.000	83.211.368.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.272.114.254	2.280.422.254
II. Nợ dài hạn	330		1.825.800.000	2.130.100.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	1.825.800.000	2.130.100.000
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.605.485.254.047	1.583.361.801.593
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	1.605.485.254.047	1.583.361.801.593
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.476.480.840.000	1.476.480.840.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.476.480.840.000	1.476.480.840.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		37.132.054.106	37.132.054.106
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.350.353.698	2.350.353.698
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		127.728.500	127.728.500
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		89.394.277.743	67.270.825.289
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		67.270.825.289	14.589.102.202
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		22.123.452.454	52.681.723.087
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.667.241.480.226	1.691.810.540.289



Phan Minh Sáng
Tổng Giám đốc
Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng

Lê Đức Nhuận
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 02a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	598.918.939.500	257.029.861.874
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		598.918.939.500	257.029.861.874
4. Giá vốn hàng bán	11	21	577.411.649.819	214.701.732.261
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		21.507.289.681	42.328.129.613
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	17.079.913.582	17.206.356.298
7. Chi phí tài chính	22	24	5.380.800.075	1.551.218.784
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.113.697.608	1.531.767.206
8. Chi phí bán hàng	25	25	6.929.126.669	5.767.196.822
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	4.153.824.065	3.653.777.267
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		22.123.452.454	48.562.293.038
11. Thu nhập khác	31		427.272.727	2.283.078.736
12. Chi phí khác	32		427.272.727	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	2.283.078.736
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		22.123.452.454	50.845.371.774
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	-	7.594.238.300
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		22.123.452.454	43.251.133.474



Phan Minh Sáng
Tổng Giám đốc
Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2016

Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng

Lê Đức Nhuận
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

MẪU SỐ B 03a-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	22.123.452.454	50.845.371.774
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	957.145.512	865.882.922
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.718.713.824)	(34.062.901.364)
- Chi phí lãi vay	06	2.113.697.608	(1.531.767.206)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	11.475.581.750	16.116.586.126
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(39.211.021.953)	2.626.758.348
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(2.636.074.947)	(44.922.515.845)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	34.798.264.283	3.530.602.481
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	271.316.677	(342.460.975)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13	82.867.046.945	(76.185.946.945)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(2.132.860.108)	1.069.685.497
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.594.238.300)	(1.000.000.000)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(8.308.000)	(270.787.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	77.829.706.347	(99.378.078.813)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	-	(4.029.900.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	456.363.636
3. Tiền chi cho vay	23	(201.900.000.000)	(456.600.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay	24	235.782.000.000	355.715.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(338.414.000.000)	(331.435.600.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	80.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.284.878.935	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(215.247.121.065)	(435.894.136.364)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	511.521.058.798
2. Tiền thu từ đi vay	33	43.708.471.605	180.796.930.953
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(119.327.539.605)	(148.588.595.090)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(75.619.068.000)	543.729.394.661
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(213.036.482.718)	8.457.179.484
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	215.157.624.372	16.621.407.777
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60)	70	2.121.141.654	25.078.587.261



Phan Minh Sáng
Tổng Giám đốc
Tp. Cần Thơ, ngày

tháng 8 năm 2016

Trần Tân Long Thạch
Kế toán trưởng

Lê Đức Nhuận
Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ, theo quyết định số 2500/QĐ-CT.UB ngày 25/07/2003 của Chủ tịch UBND tỉnh Cần Thơ (nay là UBND Thành phố Cần Thơ).

Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800518314 đăng ký lần đầu ngày 25/07/2003 và thay đổi lần thứ 12 ngày 09/10/2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp.

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 09 tháng 10 năm 2015, vốn điều lệ của Công ty là 1.476.480.840.000 đồng, tương đương 147.648.084 cổ phần, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Các cổ đông của Công ty như sau:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T	83.700.523	837.005.230.000	56,69%
Cổ đông khác	63.947.561	639.475.610.000	43,31%
Cộng	147.648.084	1.476.480.840.000	100,00%

Cổ phiếu của Công ty đang được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là TSC.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2016 là 23 người (tại ngày 31/12/2015 là 23 người).

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề kinh doanh**Lĩnh vực kinh doanh**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là Bán buôn phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn gạo, thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác; Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu khác (trừ gỗ, tre, nứa); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh chế biến và bảo quản rau quả; Bán buôn xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn thủy sản, rau quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột; Bán buôn thực phẩm khác (trừ thịt động vật thuộc danh mục cấm); Bán buôn đồ uống; Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; khách sạn, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Kinh doanh nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự; Kinh doanh nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...), dịch vụ phục vụ đồ uống và các dịch vụ ăn uống khác; Kinh doanh hoạt động xử lý hạt giống để nhân giống: Các hoạt động lựa chọn những hạt giống đủ chất lượng thông qua việc loại bỏ những hạt không đủ chất lượng bằng cách sàng lọc, chọn một cách kỹ lưỡng để loại bỏ những hạt bị sâu, những hạt giống còn non, chưa khô để bảo quản trong kho - những hoạt động này bao gồm phơi khô, làm sạch, phân loại và bảo quản cho đến khi chúng được bán trên thị trường; Kinh doanh hoạt động xay xát và sản xuất bột thô; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Cấu trúc doanh nghiệp**

Các công ty con

<u>Đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỉ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Tỉ lệ vốn góp và lợi ích của Công ty</u>
Công ty Cổ phần Nông được TSC	Long An	89,94%	89,94%
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Cần Thơ	95,45%	95,45%
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Cần Thơ	93,42%	91,50%
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tin	TP Hồ Chí Minh	77,67%	77,67%
Công ty Cổ phần Fit Consumer	TP Hồ Chí Minh	81,72%	79,35%
Công ty Cổ phần WestFood Hậu Giang	Hậu Giang	98,00%	94,22%

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 06 năm 2016.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chuẩn mực kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư góp vốn vào công ty con, đầu tư vào đơn vị khác, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc, thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định liên quan đến các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên có liên quan với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nông dược TSC	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế Biến Thực Phẩm Xuất Khẩu Miền Tây	Công ty con
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Fit Consumer	Công ty con
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty con
Công ty Cổ phần WestFood Hậu Giang	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư F.I.T và các công ty con	Bên góp vốn
Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	16.131.304	104.977.486
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.105.010.350	215.052.646.886
Cộng	2.121.141.654	215.157.624.372

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CÀN THO

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

MẪU SỐ B 09a-DN

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2016		01/01/2016			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Chứng khoán kinh doanh						
- Tổng giá trị cổ phiếu:	26.100.000.000	26.100.000.000	-	108.967.046.945	108.967.046.945	-
Chứng khoán niêm yết	-	-	-	63.867.046.945	63.867.046.945	-
Công ty Cổ phần Phân bón Dầu Khí Việt Nam	-	-	-	63.867.046.945	63.867.046.945	-
Chứng khoán chưa niêm yết	26.100.000.000	26.100.000.000	-	45.100.000.000	45.100.000.000	-
Công ty cổ phần chứng khoán Đại Nam	14.400.000.000	14.400.000.000	-	14.400.000.000	14.400.000.000	-
Công ty CP đầu tư thương mại Hoa Sen Việt Nam	11.700.000.000	11.700.000.000	-	24.700.000.000	24.700.000.000	-
Công ty CP đầu tư và phát triển Nghệ An	-	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000	-

Đối với các chứng khoán chưa niêm yết: Do không thu thập được giá giao dịch trên thị trường tại ngày 30/06/2016 nên Công ty không có cơ sở xem xét trích lập dự phòng giảm giá (nếu có). Do đó, Công ty đang trình bày theo giá gốc các khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết này trên báo cáo tài chính.

	30/06/2016		01/01/2016			
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư tài chính dài hạn						
- Đầu tư vào công ty con	1.470.627.024.376	1.470.627.024.376	-	1.219.403.024.376	1.219.403.024.376	-
Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Xuất Nhập Khẩu Miền Tây (i)	287.453.349.376	287.453.349.376	-	287.453.349.376	287.453.349.376	-
Công ty Cổ phần Hạt Giống TSC (i)	97.500.000.000	97.500.000.000	-	177.500.000.000	177.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tin (i)	40.117.000.000	40.117.000.000	-	40.117.000.000	40.117.000.000	-
Công ty Cổ phần Fit Consumer (i)	730.600.000.000	730.600.000.000	-	402.576.000.000	402.576.000.000	-
Công ty Cổ phần Nông Dược TSC (ii)	314.956.675.000	314.956.675.000	-	311.756.675.000	311.756.675.000	-
- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.940.000.000	8.940.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần WestFood Hậu Giang (iii)	8.940.000.000	8.940.000.000	-	-	-	-
Cộng	1.479.567.024.376	1.479.567.024.376	-	1.219.403.024.376	1.219.403.024.376	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

- (i) Các công ty này đều có lãi trong kỳ và có lãi lũy kế tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016. Do đó, công ty không trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư vào các Công ty con này.
- (ii) Trong kỳ, Công ty Cổ phần Nông được TSC đang lỗ và có một khoản lỗ lũy kế tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2016. Tuy nhiên, theo đánh giá và các kế hoạch kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, khoản lỗ này nằm trong kế hoạch kinh doanh của Công ty Cổ phần Nông được TSC, do đó Công ty không trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty Cổ phần Nông được TSC.
- (iii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty cổ phần WestFood Hậu Giang vẫn đang trong giai đoạn đầu tư, chưa đi vào hoạt động.

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
- Công ty con				
Công ty Cổ phần Chế biến thực phẩm Xuất Nhập Khẩu Miền Tây	Cần Thơ	95,45	95,45	Chế biến nông sản
Công ty Cổ phần Hạt Giống TSC	Cần Thơ	51,32	51,32	Kinh doanh hạt giống
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	TP. HCM	77,67	77,67	Kinh doanh hạt giống
Công ty Cổ phần Fit Cousumer	TP. HCM	56,20	56,20	Kinh doanh hàng tiêu dùng
Công ty Cổ phần Nông Được TSC	Long An	89,94	89,94	Kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật
- Đơn vị khác				
Công ty Cổ phần WestFood Hậu Giang	Hậu Giang	15,00	15,00	Chế biến nông sản

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
<i>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	<i>58.491.795.323</i>	<i>44.158.461.307</i>
Công ty TNHH Xuất Khẩu Lương Thực Thực Phẩm Miền Tây	234.006.350	11.905.006.350
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Lương Thực Miền Nam	-	11.853.618.870
Công ty Cổ phần Thức Ăn Chăn Nuôi Thái Dương	25.245.141.900	9.496.790.350
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	3.520.000.000
Công ty Maxwell (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	3.508.884.959
Công ty CP Phát triển Công nghệ Nông Thôn	14.913.294.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ INDOCHINA	3.220.726.250	-
Công ty TNHH SX&TM Đại Uy	2.577.616.000	-
Các đối tượng khác	5.272.125.864	3.874.160.778
<i>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>22.749.331.196</i>	<i>-</i>
Công ty CP chế biến thực phẩm xuất khẩu Miền Tây	22.728.795.425	-
Công ty CP Giống Cây Trồng Nông Tin	20.535.771	-
Cộng	81.241.126.519	44.158.461.307

8. NỢ XẤU

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
DNTN Trung Đông	3.520.000.000	-	3.520.000.000	-
Công ty Maxwell (Asia) Pte Ltd	3.508.884.959	-	3.508.884.959	-
Cộng	7.028.884.959	-	7.028.884.959	-

9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Hoàng Loan	3.486.438.541	5.131.455.911
Công ty TNHH ĐT & Thương Mại TTL	2.067.975.250	-
Công ty TNHH MTV Nông sản Tân Thái Phong	3.263.637.900	-
Công Ty TNHH MTV Thực Phẩm và Đầu Tư Fococev	7.380.000.000	-
Các đối tượng khác	2.317.420.588	2.189.555.388
Cộng	18.515.472.279	7.321.011.299

10. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa	7.453.926.774	-	4.817.851.827	-
Cộng	7.453.926.774	-	4.817.851.827	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2016	30.051.892.117	5.834.077.074	4.309.300.000	40.195.269.191
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	30.051.892.117	5.834.077.074	4.309.300.000	40.195.269.191
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2016	20.383.485.252	5.663.158.032	436.118.331	26.482.761.615
- Khấu hao trong năm	791.717.892	31.097.622	134.329.998	957.145.512
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	21.175.203.144	5.694.255.654	570.448.329	27.439.907.127
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2016	9.668.406.865	170.919.042	3.873.181.669	13.712.507.576
Tại ngày 30/06/2016	8.876.688.973	139.821.420	3.738.851.671	12.755.362.064

Công ty đã sử dụng tài sản cố định là xe ô tô với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 là 3.738.851.671 đồng (ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 3.873.181.669 đồng) để thế chấp cho khoản vay trung hạn tại ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Trung Hòa Nhân Chính (Xem thêm tại Thuyết minh số 17 - Vay và nợ dài hạn).

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2016 là 14.150.866.229 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 13.399.295.549 đồng).

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền nhãn thuốc VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2016	21.639.541.399	136.363.635	21.775.905.034
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	21.639.541.399	136.363.635	21.775.905.034
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2016	-	136.363.635	136.363.635
- Khấu hao trong năm	-	-	-
Tại ngày 30/06/2016	-	136.363.635	136.363.635
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2016	21.639.541.399	-	21.639.541.399
Tại ngày 30/06/2016	21.639.541.399	-	21.639.541.399

Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất tại Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp số 72,73/2014/VCBCT ngày 08/10/2014, số 20/2015/VCBCT ngày 18/3/2015 để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 là 13.194.675.585 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 13.194.675.585 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***13. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn				
Mua đất chưa hoàn tất thủ tục chuyển sang tên	9.490.344.520	9.490.344.520	9.490.344.520	9.490.344.520

Tài sản dở dang dài hạn là giá trị công ty bỏ ra để có được quyền sở hữu và sử dụng lô đất tại phường An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Công ty vẫn đang tiếp tục xử lý để hoàn tất thủ tục sang tên quyền sử dụng đất.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</i>				
Công ty TNHH Hà Dũng	6.505.744.700	6.505.744.700	9.441.746.025	9.441.746.025
Công ty TNHH Đầu Tư & Thương Mại TTL	-	-	1.848.000.000	1.848.000.000
Công ty CP Thức ăn chăn nuôi Thái Dương	18.053.863.500	18.053.863.500	-	-
Công ty TNHH Thái Dương	13.146.283.500	13.146.283.500	-	-
Công ty CP Đầu tư Thái Dương	5.479.458.300	5.479.458.300	-	-
Các đối tượng khác	544.765.645	544.765.645	580.357.326	580.357.326
Cộng	43.730.115.645	43.730.115.645	11.870.103.351	11.870.103.351

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số phải nộp trong năm	Giá trị	Số thực nộp trong năm
a) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	9.103.891.806		15.120.338.138	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.329.415.981		-	
Cộng	10.433.307.787		15.120.338.138	
b) Phải nộp				
Thuế thu nhập cá nhân	31.251.011	123.152.872	119.473.967	27.572.106
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	6.264.822.319	6.264.822.319
Tiền thuế đất	-	134.874.975	134.874.975	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	5.000.000	-
Cộng	31.251.011	263.027.847	6.524.171.261	6.292.394.425

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	7.288.000.000	7.288.000.000	43.708.471.605	119.023.239.605	82.602.768.000	82.602.768.000
Vay dài hạn đến hạn trả	608.600.000	608.600.000	304.300.000	304.300.000	608.600.000	608.600.000
Cộng	7.896.600.000	7.896.600.000	44.012.771.605	119.327.539.605	83.211.368.000	83.211.368.000

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Công ty như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Cần Thơ	7.288.000.000	5.952.768.000
Công ty Cổ Phần Nông Dược TSC	-	25.950.000.000
Công ty Cổ phần Hạt Giống TSC	-	50.700.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Trung Hoà Nhân Chính	608.600.000	608.600.000
Cộng	7.896.600.000	83.211.368.000

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ theo hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 30/VCBCT ngày 07 tháng 4 năm 2016 có tổng hạn mức là 30.000.000.000 VND, được dùng để bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân theo thông báo lãi suất của bên cho vay trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất tại Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ theo hợp đồng thế chấp số 72,73/2014/VCBCT ngày 08/10/2014, số 20/2015/VCBCT ngày 18/3/2015 để đảm bảo khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cần Thơ với giá trị còn lại tại ngày 30/06/2016 là 13.194.675.585 đồng (tại ngày 31/12/2015 là 13.194.675.585 đồng).

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2016		Trong năm		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	1.825.800.000	1.825.800.000	-	304.300.000	2.130.100.000	2.130.100.000
Cộng	1.825.800.000	1.825.800.000	-	304.300.000	2.130.100.000	2.130.100.000

Tại ngày 21 tháng 5 năm 2015, Công ty ký hợp đồng vay dài hạn 05 năm với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng, Chi nhánh Trung Hòa Nhân Chính với số tiền 3.043.000.000 VND. Khoản vay này dùng để mua sắm tài sản cố định là phương tiện vận tải, gốc vay sẽ được trả mỗi 03 tháng trong vòng 60 tháng, bắt đầu trả khoản vay đầu tiên từ ngày 21 tháng 08 năm 2015. Khoản vay chịu lãi suất 10,7%/năm và được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/01 lần. Lãi suất áp dụng tại ngày 30/06/2016 là 10,70%/năm. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 11 – Tài sản cố định hữu hình, Công ty sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay để thế chấp cho khoản vay này.

Các khoản vay và nợ dài hạn được trả theo lịch biểu như sau:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng một năm	608.600.000	608.600.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.825.800.000	2.130.100.000
Cộng	2.434.400.000	2.738.700.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay ngắn hạn)	608.600.000	608.600.000
Số phải trả sau 12 tháng	1.825.800.000	2.130.100.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại 31/12/2014	158.129.150.000	3.666.797.196	127.728.500	66.657.559.505	26.903.486.997	25.658.132.202	281.142.854.400
Phân loại số dư đầu kỳ				26.903.486.997	(26.903.486.997)		-
Phát hành cổ phiếu mới	1.318.351.690.000	33.833.202.804	-	(91.210.692.804)	-	(11.069.030.000)	1.249.905.170.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	52.681.723.087	52.681.723.087
Chi phí phát hành	-	(367.945.894)	-	-	-	-	(367.945.894)
Số dư tại 31/12/2015	1.476.480.840.000	37.132.054.106	127.728.500	2.350.353.698	-	67.270.825.289	1.583.361.801.593
Phát hành cổ phiếu mới	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	22.123.452.454	22.123.452.454
Tặng/giảm khác	-	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2016	1.476.480.840.000	37.132.054.106	127.728.500	2.350.353.698	-	89.394.277.743	1.605.485.254.047

Theo Nghị quyết số 08/NQ.CPVTKTNN ngày 12/03/2016 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016, Đại hội đồng cổ đông quyết định không phân phối lợi nhuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**Cổ phiếu**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	147.648.084	147.648.084
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	147.648.084	147.648.084

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi, vốn điều lệ của Công ty là 1.476.480.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 1.476.480.000 VND). Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ.

STT	Cổ đông	Tại ngày 30/06/2016		Tại ngày 31/12/2015	
		Số tiền	Tỉ lệ	Số tiền	Tỉ lệ
1	Công ty CP Đầu tư FIT	837.005.230.000	56,69%	868.392.460.000	58,82%
2	Cổ đông khác	639.475.610.000	43,31%	608.088.380.000	41,18%
	Cộng	<u><u>1.476.480.840.000</u></u>	<u><u>100,00%</u></u>	<u><u>1.476.480.840.000</u></u>	<u><u>100,00%</u></u>

19. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại:**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
Ngoại tệ USD	938,92	9.704,17
Ngoại tệ EUR	242,61	248,07

20. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	551.337.823.464	256.804.452.182
Doanh thu cung cấp dịch vụ	204.285.454	6.232.692
Doanh thu đối với các bên liên quan	47.376.830.582	219.177.000
<i>Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây</i>	47.263.905.157	219.177.000
<i>Công ty Cổ phần Giống cây trồng Nông Tin</i>	112.925.425	-
Cộng	<u><u>598.918.939.500</u></u>	<u><u>257.029.861.874</u></u>

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016</u>	<u>Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015</u>
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	576.809.347.248	214.701.732.261
Giá vốn cung cấp dịch vụ	602.302.571	-
Cộng	<u><u>577.411.649.819</u></u>	<u><u>214.701.732.261</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

1D Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo***22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	358.038.204	238.349.680
Chi phí nhân công	2.809.039.479	2.474.140.950
Chi phí khấu hao tài sản cố định	957.145.512	865.882.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.137.810.253	4.932.608.422
Chi phí khác bằng tiền	1.130.294.428	909.992.115
Cộng	11.392.327.876	9.420.974.089

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.824.351.102	168.542.702
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.991.200.000	-
Lãi do bán các khoản đầu tư	8.080.000.000	13.600.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	184.362.480	263.816.451
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	3.173.997.145
Cộng	17.079.913.582	17.206.356.298

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.113.697.608	1.531.767.206
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	3.176.837.278	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	90.265.189	9.451.576
Các khoản ghi giảm chi phí tài chính	-	10.000.002
Cộng	5.380.800.075	1.551.218.784

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	939.330.676	727.068.272
Chi phí vật liệu, bao bì	358.038.204	153.475.150
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	46.853.475	56.446.944
Chi phí khấu hao TSCĐ	23.264.286	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.405.345.429	4.631.172.723
Các khoản chi phí bán hàng khác	156.294.599	199.033.733
Cộng	6.929.126.669	5.767.196.822
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	1.869.708.803	1.747.072.678
Chi phí vật liệu quản lý	-	2.767.273
Chi phí đồ dùng văn phòng	13.327.621	25.660.313
Chi phí khấu hao TSCĐ	624.504.084	865.882.922
Thuế, phí và lệ phí	222.906.436	256.822.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	732.464.824	301.435.699
Các khoản chi phí QLDN khác	690.912.297	454.135.745
Cộng	4.153.824.065	3.653.777.267

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	22.123.452.454	50.845.371.774
<i>Điều chỉnh cho thu nhập không chịu thuế</i>		
Chi phí không được trừ	804.042.852	-
Cổ tức được chia	(3.991.200.000)	-
Chuyển lỗ	(18.936.295.306)	(16.326.106.774)
Thu nhập chịu thuế	-	34.519.265.000
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	7.594.238.300

Công ty chịu thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 22% trên tổng thu nhập chịu thuế của năm 2015 và 20% trên tổng thu nhập chịu thuế của năm 2016. Một số khoản lỗ phát sinh từ năm 2012 và 2013 và được chuyển vào lợi nhuận các kỳ sau theo lịch biểu như sau:

Năm phát sinh lỗ tính thuế	Thời gian được chuyển lỗ	Số tiền	Số lỗ đã chuyển	Số còn được chuyển
		VND	VND	VND
2012	2013 – 2017	69.431.786.038	(69.431.786.038)	-
2013	2014 – 2018	15.912.479.045	(10.139.779.241)	5.772.699.804

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều
Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính giữa niên độ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09a-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.***27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 15 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Các khoản vay	9.722.400.000	85.341.468.000
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	<u>2.121.141.654</u>	<u>215.157.624.372</u>
Nợ thuần	7.601.258.346	-
Vốn chủ sở hữu	<u>1.605.485.254.047</u>	<u>1.583.361.801.593</u>
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,47%</u>	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.121.141.654	215.157.624.372
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.793.906.805	41.656.480.592
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.100.000.000	108.967.046.945
Đầu tư tài chính dài hạn	<u>1.479.567.024.376</u>	<u>1.219.403.024.376</u>
Tổng cộng	<u>1.586.582.072.835</u>	<u>1.585.184.176.285</u>
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	9.722.400.000	85.341.468.000
Phải trả người bán và phải trả khác	46.686.450.779	12.124.316.803
Chi phí phải trả	<u>32.727.274</u>	<u>34.260.039</u>
Tổng cộng	<u>56.441.578.053</u>	<u>97.500.044.842</u>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro tỷ giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro tỷ giá hay rủi ro lãi suất có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về giá của các công cụ tài chính này trong tương lai.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Sau 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.121.141.654	-	-	2.121.141.654
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.793.906.805	-	-	78.793.906.805
Đầu tư tài chính ngắn hạn	26.100.000.000	-	-	26.100.000.000
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	1.479.567.024.376	1.479.567.024.376
Tổng cộng	107.015.048.459	-	1.479.567.024.376	1.586.582.072.835
Tại 30/06/2016				
Các khoản vay	7.896.600.000	1.825.800.000	-	9.722.400.000
Phải trả người bán và phải trả khác	46.686.450.779	-	-	46.686.450.779
Chi phí phải trả	32.727.274	-	-	32.727.274
Tổng cộng	54.615.778.053	1.825.800.000	-	56.441.578.053
Chênh lệch thanh khoản thuần	52.399.270.406	(1.825.800.000)	1.479.567.024.376	1.530.140.494.782
Tại 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	215.157.624.372	-	-	215.157.624.372
Phải thu khách hàng và phải thu khác	41.656.480.592	-	-	41.656.480.592
Đầu tư tài chính ngắn hạn	108.967.046.945	-	-	108.967.046.945
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	1.219.403.024.376	1.219.403.024.376
Tổng cộng	365.781.151.909	-	1.219.403.024.376	1.585.184.176.285
Tại 01/01/2016				
Các khoản vay	83.211.368.000	2.130.100.000	-	85.341.468.000
Phải trả người bán và phải trả khác	12.124.316.803	-	-	12.124.316.803
Chi phí phải trả	34.260.039	-	-	34.260.039
Tổng cộng	95.369.944.842	2.130.100.000	-	97.500.044.842
Chênh lệch thanh khoản thuần	270.411.207.067	(2.130.100.000)	1.219.403.024.376	1.487.684.131.443

Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ KỸ THUẬT NÔNG NGHIỆP CẦN THƠ

ID Phạm Ngũ Lão, Phường Thới Bình, Quận Ninh Kiều

Thành phố Cần Thơ, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo


28. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015 đã được soát xét.




Phan Minh Sang
Tổng Giám đốc

Tp. Cần Thơ, ngày 11 tháng 8 năm 2016


Trần Tấn Long Thạch
Kế toán trưởng


Lê Đức Nhuận
Người lập biểu